TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 27/5/2025
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, về: "*TrA chấp Hợp đồng T và Yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HPT ngày 25/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-HPT ngày 14/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2025/QĐST-HPT ngày 12/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức.

Địa chỉ*:* Số 317 H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quang ThA S - Chủ tịch Hội đồng quản trị. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Phó Giám đốc. (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973 và bà Lê Thị T1, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn N, huyện C, Bà Rịa - Vũng Tàu. (ông H1, bà T1 vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1973. (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Chính H, sinh năm 1980. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Văn phòng công chứng Nguyễn D.

Địa chỉ: Quốc lộ 56, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện nay không còn hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Duy T - Là công chứng viên văn phòng công chứng Nguyễn D trước đây nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Duy T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị T1, ông Phạm Văn L:

Bà Phạm Thị Lan A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn N, huyện C, Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức do ông Quang Thnh S làm đại diện theo pháp trình bày:

Theo Hợp đồng T số: 824/2011/HĐTD ngày 11/8/2011 thì bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn H1 có vay của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng. Mục đích vay tiền là: Bổ sung vốn trồng trọt. Kỳ hạn vay là 12 tháng. Lãi suất là 2,2%/tháng (có điều chỉnh lãi suất theo từng thời gian). Lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, bà T1 và ông H1 có trả số tiền lãi là 5.815.000 (năm triệu tám trăm mười lăm ngàn) đồng.

Tính đến 25/3/2025 bà T1 và ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Để đảm bảo việc vay nợ trên ông Phạm Văn L có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 831/2011/HĐTC ngày 01/8/2011, thế chấp tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất với diện tích 2.777,0 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa số 133, tờ bản đồ 14, đất tọa lạc tại xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 392897 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 13/7/2011 cho ông Phạm Văn L.

Trong quá trình vay vốn, ông Phạm Văn L (chủ tài sản thế chấp) có thực hiện ủy quyền cho ông Nguyễn Chính Hữu bán tài sản trả nợ cho Quỹ nhưng vẫn không thực hiện việc bán tài sản để trả nợ. Do đó yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/4/2018 giữa ông Phạm Văn L với ông Nguyễn Chính Hữu.

Nay Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu ông H1 và bà T1, trả số tiền gồm tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2025 bà T1, ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng. Nếu ông H1, bà T1, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/4/2018 giữa ông Phạm Văn L với ông Nguyễn Chính Hữu, do Văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực.

Qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2025 Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức đồng ý và không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1, bà Lê Thị T1 vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn L, ông Nguyễn Chính H vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà T1, ông L: Bà Phạm Thị Lan A trình bày:

Ông H1, bà T1 và ông L đồng ý với nội dung ông H1 và bà T1 vay tiền của Quỹ tính dụng nhân dân cơ sở Châu Đức, đồng ý về việc ông L thế chấp tài sản. Trước đây đã có cam kết giao tài sản để xử lý nợ. Ông Hữu không thực hiện đúng theo cam kết. Đồng ý hủy bỏ hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/4/2018 giữa ông Phạm Văn L với ông Nguyễn Chính Hữu, do Văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực. Bên bị đơn yêu cầu không tính tiền lãi trong thi hành án, chỉ trả nợ trong phạm vi tài sản bảo đảm. Xin bên nguyên đơn cùng chịu án phí với bên bị đơn.

Qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2025 ông H1, bà T1, ông L đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật nhưng còn chậm so với thời gian quy định. Về nội dung vụ án: Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu ông H1, bà T1 trả số tiền gồm tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2025 bà T1, ông H1 còn nợ gốc và

lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng. Nếu ông H1, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất với diện tích 2777,0 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa số 133, tờ bản đồ 14, đất tọa lạc tại xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 392897 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 13/7/2011 cho ông Phạm Văn L; Yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/4/2018 giữa ông Phạm Văn L với ông Nguyễn Chính Hữu, do Văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực. Yêu cầu này của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức là phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu ông H1, bà T1 trả số tiền gồm tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2025 bà T1, ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 (chín trăm mười triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng và lãi phát sinh. Đây là "*TrA chấp Hợp đồng T";* Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền lập ngày 09/4/2018 giữa ông Phạm Văn L với ông Nguyễn Chính H, do Văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực. Đây là "*TrA chấp Hợp yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền";*

Nơi cư trú của ông H1, bà T1, ông Hữu là thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng Hữu vắng mặt và đây là lần vắng mặt thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Hữu.

Về nội dung tranh chấp:

Theo Hợp đồng T số: 824/2011/HĐTD ngày 11/8/2011 thì bà Lê Thị T1 và ông Nguyễn Văn H1 có vay của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng. Mục đích vay tiền là: Bổ sung vốn trồng trọt. Kỳ hạn vay là 12 tháng. Lãi suất là 2,2%/tháng (có điều chỉnh lãi suất theo từng thời gian). Lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1, ông H1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng T.

Trong quá trình vay vốn, bà T1 và ông H1 có trả tiền lãi là 5.815.000 đồng.

Tính đến 25/3/2025 bà T1 và ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Nay Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu ông H1, bà T1 trả số tiền gồm tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2025 bà T1, ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Xét yêu cầu của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức thấy: Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức cho ông H1, bà T1 vay tiền của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức là có hợp đồng, có chứng cứ.

Tính đến 25/3/2025 bà T1, ông H1 còn nợ gốc và lãi là 910.347.399 đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Như vậy việc Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu bà T1 và ông H1 trả nợ cho Quỹ T là có cơ sở và phù hợp nên cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức.

Do đó căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nay là Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu để buộc ông H1 và bà T1 trả số tiền gồm tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/3 là 910.347.399 (chín trăm mười triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà T1, ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thA toán khoản nợ nêu trên thì Quỹ T nhân dân cơ sở Châu có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất với diện tích 2.777,0 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa số 133, tờ bản đồ 14, đất tọa lạc tại xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 392897 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức cấp ngày 13/7/2011 cho ông Phạm Văn L.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quỹ T nhân dân cơ sở Châu đã nộp tạm ứng là 5.000.000 đồng, đã chi hết. Quỹ tín nhân dân cơ sở Châu tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (năm triệu) đồng này.

Ngày 23/4/2016 bà Loan A cam kết giao tài sản thế chấp; bà Loan A bàn giao tài sản thế chấp; sau đó ngày 09/4/2018 ông L ủy quyền cho ông Hữu để ông H thực hiện công việc theo nội dung ủy quyền.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức yêu cầu hủy bỏ văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018 giữa ông L và ông Hữu. Ông H1, bà T1 và ông L cũng đồng ý hủy bỏ văn bản ủy quyền nêu trên. Do đó cần xử hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Phạm Văn L với bên được ủy quyền là ông Nguyễn Chính Hữu được công chứng ngày 09/4/2028, do Văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T1 và ông H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận về chịu án phí là nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí. Cụ thể là 36.000.000 đồng + 120.440.194 đồng x 3% = 39.613.206 : 2 = 19.806.603 (mười chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Như vậy ông H1 và bà T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.806.603 (mười chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.806.603 (mười chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng. Khấu trừ vào 17.041.000 (mười bảy triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Quỹ tín nhân dân cơ sở Châu Đức đã nộp theo biên lai số 0000902 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức. Còn lại Quỹ tín nhân dân cơ sở Châu Đức phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.765.603 (hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức tự nguyện nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Quỹ tín nhân dân cơ sở Châu Đức đã nộp theo biên lai số 0000672 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nay là Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Thị T1 trả cho Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức số tiền gốc và lãi vay tính đến ngày 25/3/2025 là 910.347.399 (chín trăm mười triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.892.000 đồng; lãi chậm trả: 91.825.906 đồng; lãi quá hạn: 653.629.493 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà T1 và ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thA toán khoản nợ nêu trên thì Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất với diện tích 2777,0 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa số 133, tờ bản đồ 14, đất tọa lạc tại xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 392897 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 13/7/2011 cho ông Phạm Văn L để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thA toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức.

Xử hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Phạm Văn L với bên được ủy quyền là ông Nguyễn Chính H được công chứng ngày 09/4/2028, do văn phòng công chứng Nguyễn D chứng thực.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (năm triệu) đồng này.

Về án phí: Ông H1 và bà T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.806.603 (mười chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.806.603 (mười chín triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng. Khấu trừ vào 17.041.000 (mười bảy triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức đã nộp theo biên lai số 0000902 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức. Còn lại Quỹ tín nhân dân cơ sở Châu Đức phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.765.603 (hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng.

Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Quỹ T nhân dân cơ sở Châu Đức đã nộp theo biên lai số 0000672 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2025), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự")

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR - VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H. Châu Đức;
- Sở Tư pháp;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan